

Bản án số: 02/2019/HS-ST
Ngày: 25/01/2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN YÊN THỦY, TỈNH HOÀ BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Hải Dương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Mạnh Tùng

Bà Bùi Thị Phi.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trung Nghĩa, Thẩm tra viên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Hồng Nhiên - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 01 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 01/2019/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2019/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 01 năm 2019 đối với các bị cáo:

1.1 Bùi Văn K; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1995 tại: xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình. Nơi cư trú: Xóm Cửa Lũy, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông Bùi Văn X và bà Bùi Thị H có vợ là Bùi Thị M và 01 con; Tiền án, tiền sự: không. *Bị cáo Bùi Văn K bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 01/LCĐKNCT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy. (có mặt)*

1.2 Bùi Văn S; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 26 tháng 6 năm 1985 tại: Đoàn Kết, Yên Thủy, Hoà Bình. Nơi cư trú: xóm Cửa Lũy, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 7/12. Con ông: Bùi Văn L và bà Bùi Thị Y có vợ là Bùi Thị H1 và 02 con; Tiền án, tiền sự: không. *Bị cáo Bùi Văn S bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 02/LCĐKNCT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên*

Thủy. (có mặt)

1.3 Bùi Văn T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 01 tháng 10 năm 1982 tại: Đoàn Kết, Yên Thủy, Hoà Bình. Nơi cư trú: xóm Cửa Lũy, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 12/12. Con ông Bùi Văn T1, và bà Bùi Thị M1 có vợ là Bùi Thị N và 02 con; Tiền án, tiền sự: không. *Bị cáo Bùi Văn T bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 03/ LCDKNCT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy. (có mặt)*

1.4 Bùi Văn P; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 15 tháng 8 năm 1998 tại: Đoàn Kết, Yên Thủy, Hoà Bình. Nơi cư trú: xóm Cửa Lũy, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường, Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông: Bùi Văn K và bà Bùi Thị M2, Vợ, Con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: không. *Bị cáo Bùi Văn P bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 04/ LCDKNCT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy. (có mặt)*

1.5 Bùi Văn N1; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1987 tại: Đoàn Kết, Yên Thủy, Hoà Bình; Nơi cư trú: xóm Cửa Lũy, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Làm ruộng. Trình độ học vấn: 9/12. Con ông: Bùi Văn N2, (chết năm 2014) và bà Bùi Thị T2 (chết năm 2000) có vợ là Bùi Thị H2 và 01 con. Tiền án, tiền sự: không. *Bị cáo Bùi Văn N1 bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018. Hiện đang chấp hành lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 05/ LCDKNCT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy. (có mặt)*

1.6 Bùi Văn N3; Giới tính: Nam; Tên gọi khác: Không; Sinh ngày 03 tháng 6 năm 1991 tại: Đoàn Kết, Yên Thủy, Hoà Bình. Nơi cư trú: xóm Yên Bình, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hoà Bình. Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Mường; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do. Trình độ học vấn: 12/12; Con ông: Bùi Văn H3 và bà Bùi Thị L1 có vợ là Đinh Thị Thu H4, và 02 con; Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Tại bản án số 21/2016/HSST ngày 20/4/2016 của TAND huyện Gia Viễn, tỉnh Ninh Bình xử phạt Bùi Văn N3 09 tháng cải tạo không giam giữ. Hiện đã được xóa án tích. *Bị cáo Bùi Văn N3 bị tạm giữ từ ngày 21/8/2018 đến ngày 24/8/2018. Hiện đang chấp hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số: 06/ LCDKNCT ngày 08 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân huyện Yên Thủy. (có mặt)*

2. Người bị hại:

2.1. Chị Nguyễn Thị A, sinh năm: 1964 – Vắng mặt

Nơi ĐKNKTT: Xóm Cửa Lũy, xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình.

3, Người làm chứng:

3.1. Chị Nguyễn Thị H5, sinh năm 1974 – Vắng mặt.

Nơi ĐKNKTT: Xóm Cửa Lũy, xã Đoàn Kết, huyện Y Thủy, tỉnh Hòa Bình.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do biết trang trại lợn của gia đình chị Nguyễn Thị A, thường hay nuôi lợn nên Bùi Văn K đã nảy sinh ý định bắt trộm lợn trong trại để bán lấy tiền chi tiêu cá nhân. Ngày 09 tháng 8 năm 2018 trong khi ngồi nói chuyện với Bùi Văn S, K đã rủ S cùng tham gia trộm cắp lợn tại trang trại của chị A, S đồng ý. Đến ngày 18/8/2018 K đến nơi S nói là trang trại chị A đã có lợn thả rồi nên thống nhất với S tìm được chỗ bán thì mới đi trộm lợn, S đồng ý và nhắn tin qua điện thoại rủ thêm Bùi Văn T, Bùi Văn P; Bùi Văn N1 tham gia cùng trộm cắp lợn thì tất cả đồng ý. Sau đó S gọi điện cho Bùi Văn N3 là người chuyên mua bán lợn và nói về việc S và một số người sẽ lấy trộm lợn ở trại lợn nhà chị A, đồng thời hỏi N3 có mua không, nghe S nói vậy N3 đã đồng ý mua.

Đến khoảng 19 giờ ngày 19/8/2018 K một mình đi bộ đến nhà S để rủ S đi lấy trộm lợn, S đồng ý và lấy điện thoại di động gọi cho T, P, N1 đến nhà S để đi trộm lợn, tất cả đồng ý. Sau khi T, N1, P đến nhà S thì S gọi điện thoại cho N3 hỏi “Bây giờ anh em đi ăn trộm lợn thì có mua được không?”, N3 trả lời là “Có, trộm được thì cứ mang xuống lán”, S hỏi “giá tiền như thế nào?”, N3 nói “Con to thì to tiền, con nhỏ thì nhỏ tiền”, do trước đó đã biết vị trí lán của N3 là ở xóm Yên Bình, Đoàn Kết nên S không hỏi thêm gì nữa. Sau đó, tất cả thống nhất đi theo đường sông để dễ tiếp cận trang trại lợn, đồng thời sau khi trộm được lợn sẽ tiện đường mang đến lán của N3 để bán; Tiếp đó S nói với tất cả mọi người là chưa có bao tải để đựng lợn, thì T và P bảo ở nhà có nên cả hai đi về nhà lấy, lúc này S đưa cho K một chiếc kìm bằng sắt màu đen và nói với K là mang đi dùng được thì dùng. Đến khoảng 21 giờ 30 phút cùng ngày S, K, T, N1 mang theo bao tải, kìm, đèn pin lên một chiếc thuyền tôn của S, còn P một mình mang theo bao tải, dao, đèn pin lên thuyền bê tông của mình và cùng đi theo đường sông đi đến trang trại lợn. Trên đường đi, K lấy dao trên thuyền của P chặt hai đoạn cây gỗ keo dài 2m50, đường kính khoảng 10cm mang theo, khi đi được 45 phút thì cả hai thuyền đến bờ cách trại lợn khoảng 100m, lúc này tất cả cùng buộc hai thuyền ở bờ rồi đi bộ đến tường bao của trại lợn, khi đến nơi S cầm 02 đoạn cây keo dựa vào tường bao và trèo lên quan sát vào phía trong, sau khi quan sát bên

trong không thấy có ai S đã dùng kìm bẻ mảnh thủy tinh phía trên tường bao và trèo vào bên trong trại lợn, sau đó thì K, T, N1, P cũng trèo vào bên trong và đi bộ vào khu chuồng nuôi lợn. Tất cả cùng quan sát vào phía trong qua ô thoáng cửa và quạt thông gió thấy phía đầu bên kia chuồng lợn có một người đang nằm ngủ, thấy vậy T, K, N1 kéo cửa sổ bằng kính của chuồng nuôi trèo vào trong, sau khi vào bên trong thì T, K, N1 bắt từng con lợn đưa ra ngoài cho S và P để cho vào bao tải, khi bắt được một lúc thì N1 trèo ra ngoài cùng với S, P đỡ lợn cho vào bao tải còn T và K tiếp tục bắt lợn đưa ra. Đến khi bắt được 24 con lợn lông màu trắng, loại lợn con cai sữa hai máu, mỗi con có trọng lượng khoảng 6,5kg (con của lợn nái và lợn đực là loại lợn hậu bị GP 100% máu đàn mạch) cho vào 10 bao tải, (06 bao đựng 02 con và 04 bao đựng 03 con) thì tất cả ra ngoài và mỗi người xách theo 02 bao tải đựng lợn đi theo đường cũ ra chỗ buộc thuyền, tới nơi S và N1 để 04 bao tải đựng lợn lên thuyền tôn của S; P, T, K để 06 bao tải đựng lợn lên thuyền bê tông của P, còn 02 đoạn dây keo S vứt xuống sông. Sau đó, tất cả đi thuyền đem theo 10 bao tải đựng 24 con lợn đến bán cho N3, khi đến nơi tất cả mang 24 con lợn thả vào chuồng của N3 và vứt bao tải xuống sông, lúc này S hỏi N3 “được bao nhiêu tiền một con” thì N3 bảo “được 500.000đ/con”, sau đó N3 lấy 5.000.000đ đưa cho S và nói khi nào bán được lợn thì sẽ đưa thêm tiền. Sau khi nhận tiền S chia đều cho K, T, P, N1 mỗi người 1.000.000đ. Còn N3 sau khi mua được lợn đến khoảng 5 giờ ngày 20/8/2018 N3 dậy bắt 24 con lợn đó cho vào lồng cho vào xe lôi và lấy xe mô tô biển kiểm soát 28Y1-2863 để kéo đem đi bán, khi đi tới đoạn đường xóm Ngọc thuộc địa phận xã Thạch Bình, Nho Quan, Ninh Bình thì N3 gặp một người đàn ông đi xe ô tô N3 không nhớ biển kiểm soát, có đặc điểm cao, gầy, mặc áo phông hỏi N3 bán lợn không N3 nói có sau đó hai người thỏa thuận bán 550.000đ/con, người đàn ông trả cho N3 13.000.000đ (do N3 đã bớt cho người này 200.000đ) sau đó N3 đi về nhà tại xóm Yên Bình, Đoàn Kết.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 39/KL-HĐĐG ngày 27/9/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện Yên Thủy kết luận 24 con lợn đã trộm cắp ngày 19/8/2018 có trị giá 45.600.000 (Bốn mươi lăm triệu, sáu trăm nghìn đồng). Bản cáo trạng số 02/CT-VKS-YT ngày 07/01/2019 Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy truy tố các bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn S, Bùi Văn T, Bùi Văn P, Bùi Văn N1 và Bùi Văn N3 về tội “Trộm cắp tài sản” khoản 1, điều 173 Bộ luật hình sự. Tại phiên tòa hôm nay đại diện Viện Kiểm sát giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Đề nghị Hội đồng xét xử truy tố các bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn S, Bùi Văn T, Bùi Văn N1, Bùi Văn P, Bùi Văn N3 phạm tội Trộm cắp tài sản.

- Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 65 Bộ

luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K từ 18 đến 24 tháng tù, cho hưởng án treo; ấn định thời gian thử thách, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58, điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn S, Bùi Văn T, Bùi Văn N1, Bùi Văn P từ 12 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách; không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

- Áp dụng khoản 1 điều 173; điểm b, s khoản 1, khoản 2 điều 51; điều 17, điều 58, điều ; điều 65 Bộ luật hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Văn N3 từ 18 đến 24 tháng tù cho hưởng án treo, không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền.

Tại phiên toà các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội phù hợp nội dung bản Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy và thừa nhận bị truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội. Các bị cáo chỉ xin giảm nhẹ hình phạt.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo, của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] *Về tố tụng Hình sự:* Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình, của Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại, những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] *Về nội dung vụ án:* Tại phiên tòa các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu. Lời khai nhận của các bị cáo là rõ ràng, phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, người làm chứng, vật chứng thu được cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án, có đủ cơ sở kết luận:

Do đã quan sát trang trại lợn của chị Nguyễn Thị A từ trước nên Bùi Văn K nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản là lợn giống con đem bán lấy tiền chi tiêu sau đó K bàn bạc với Bùi Văn S, Bùi Văn P, Bùi Văn N1, Bùi Văn T về việc cùng nhau tham gia chiếm đoạt thì tất cả đồng ý đồng thời liên lạc với Bùi Văn N3 để bán lợn cho N3 khi

trộm cắp được thì N3 đồng ý. Đến khoảng 19h ngày 19/8/2018 khi biết trang trại của chị Nguyễn Thị A đã thả lợn giống K cùng S, T, P và N1 đi thuyền mang theo 10 bao tải, đèn pin, kìm và 02 đoạn gỗ keo dài khoảng 2,5m đến trang trại lợn trèo qua tường bao vào khu vực chăn nuôi bắt được 24 con lợn giống loại lợn hậu bị GP 100% máu Đan Mạch có tổng giá trị sau khi định giá là 45.600.000đ. Sau khi chiếm đoạt được theo như thỏa thuận với Bùi Văn N3 các bị cáo mang bán cho N3 với giá thỏa thuận là 500.000đ/con, còn N3 sau khi mua số tài sản trên đã đem bán cho một người không quen biết nhận được số tiền 13.000.000đ. Như vậy các bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn S, Bùi Văn T, Bùi Văn P, Bùi Văn N1 đã có hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của chị Nguyễn Thị A, bị cáo Bùi Văn N3 mặc dù không trực tiếp thực hiện hành vi nhưng biết việc các bị cáo đi trộm cắp đồng thời hứa hẹn mua lại toàn bộ số tài sản chiếm đoạt được vì vậy các bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản” quy định tại khoản 1, điều 173 Bộ luật hình sự.

[3] Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

- Tình tiết tăng nặng: Các bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn S, Bùi Văn P, Bùi Văn N1, Bùi Văn T, Bùi Văn N3 không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Tình tiết giảm nhẹ: Các bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn S, Bùi Văn P, Bùi Văn N1, Bùi Văn T phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, đã bồi thường khắc phục hậu quả xảy ra, các bị cáo là người dân tộc, Người bị hại chị Nguyễn Thị A có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự. Đối với Bùi Văn N3 sau khi phạm tội đã khai báo thành khẩn, ăn năn, hối cải, đã tích cực bồi thường khắc phục hậu quả xảy ra, là người dân tộc, người bị hại chị Nguyễn Thị A có đơn xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo đây là tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b,s, khoản 1, khoản 2, điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Về hình phạt chính: Hành vi của các bị cáo nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến tài sản của người khác ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự trên địa bàn, các bị cáo là người có nhận thức, tuy có đã thống nhất bàn bạc với nhau trước để thực hiện tội phạm, tìm nơi tiêu thụ cụ thể để thực hiện hành vi, nhưng các bị cáo thực hiện hành vi với Tính chất đồng phạm giản đơn, không có sự phân công cụ thể.

Từ những đánh giá, phân tích nêu trên. Căn cứ vào hành vi, Tính chất, mức độ phạm tội của từng bị cáo cũng như tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự xét thấy các bị cáo phạm tội thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, hậu quả tội phạm đã được khắc phục kịp thời, các bị cáo có nơi cư trú rõ ràng. Xét thấy chưa cần thiết phải

cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần giao các bị cáo cho chính quyền địa phương quản lý giáo dục là đủ.

[5] *Về hình phạt bổ sung:* Các bị cáo làm nông nghiệp, thu nhập thấp, hoàn cảnh kinh tế khó khăn, sống ở vùng kinh tế khó khăn vì vậy không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ.

[6] *Về trách nhiệm dân sự:* Các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho bị hại là chị Nguyễn Thị A tổng số tiền 48.000.000đ (Bốn mươi tám triệu đồng) (trong đó các bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn S, Bùi Văn T, Bùi Văn N1, Bùi Văn P mỗi bị cáo bồi T 6.000.000đ; Bị cáo Bùi Văn N3 bồi T 18.000.000đ). Hiện bị hại Nguyễn Thị A không yêu cầu đề nghị gì về trách nhiệm dân sự, vì vậy không xem xét giải quyết.

[7] *Về xử lý vật chứng:*

- 01 xe mô tô biển kiểm soát 28Y1-2863, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVES, màu S đen xám, xe cũ đã qua sử dụng. 05 điện thoại di động cũ đã qua sử dụng là phương tiện các bị cáo dùng để liên lạc, vận chuyển phục vụ cho việc phạm tội cần tịch thu, phát mại, xung quỹ nhà nước.

- 01 chiếc thuyền bằng tôn màu xanh; 02 mái chèo bằng gỗ cũ đã qua sử dụng; 01 thuyền bê tông; 02 mái chèo bằng gỗ cũ đã qua sử dụng; 01 xe cải tiến tự chế có hai bánh có thùng bằng tôn màu đỏ; 01 lồng sắt có kích thước 102cmx54cmx47cm, trong đáy lồng có lót miếng cao su màu đen; 02 chiếc đèn pin loại đội đầu có dây đeo; 01 chiếc kìm bằng sắt màu đen, cũ đã qua sử dụng. Các đồ vật trên hiện không còn giá trị sử dụng vì vậy tịch thu xuất hủy.

(Các loại vật chứng nêu trên được mô tả tại biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Công an huyện Yên Thủy và Chi cục thi hành án dân sự huyện Yên Thủy)

[8] *Về án phí và quyền kháng cáo:* Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

[9] *Lời nói sau cùng của các bị cáo:* Các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. *Tuyên bố:* Các bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn S, Bùi Văn P, Bùi Văn N1, Bùi Văn T, Bùi Văn N3 phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Bùi Văn K. Xử phạt bị cáo Bùi Văn K 24 (Hai mươi bốn) tháng tù cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 48 tháng kể từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, điều 58 điều 65 Bộ luật Hình đối với bị cáo Bùi Văn N3. Xử phạt bị cáo Bùi Văn N3 24 (Hai mươi bốn) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 48 tháng tính từ ngày tuyên án.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm b, i, s, khoản 1, khoản 2 Điều 51, điều 17, điều 58 điều 65 Bộ luật Hình sự xử phạt:

+ Bị cáo Bùi Văn S 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 36 tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Bị cáo Bùi Văn T 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Bị cáo Bùi Văn N1 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

+ Bị cáo Bùi Văn P 12 (Mười hai) tháng tù nhưng cho hưởng án treo; thời gian thử thách là 24 (Hai mươi bốn) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn S, Bùi Văn T, Bùi Văn N1, Bùi Văn P, Bùi Văn N3 cho UBND xã Đoàn Kết, huyện Yên Thủy, tỉnh Hòa Bình giám sát giáo dục.

Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo nếu cố ý vi phạm nghĩa vụ từ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

2. *Xử lý vật chứng*: Áp dụng điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự 2015.

- Tịch thu phát mai xung quỹ nhà nước: 01 xe mô tô biển kiểm soát 28Y1-2863, nhãn hiệu HONDA, số loại WAVES, màu S đen xám, xe cũ đã qua sử dụng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen của bị cáo Bùi Văn N3; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA màu đỏ đen, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Bùi Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu IPHONE 5 của bị cáo Bùi Văn S, viền và ốp lưng màu trắng, màn hình màu đen, cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu NOKIA 105 màu đen, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Bùi Văn N1; 01 điện thoại di động nhãn hiệu OPPO A37 màu vàng, cũ đã qua sử dụng của bị cáo Bùi Văn P.

- Tịch thu xuất hủy: 01 chiếc thuyền bằng tôn màu xanh có kích thước 3m80x1m50x0,33m; 02 mái chèo bằng gỗ có đặc điểm giống nhau, mỗi chiếc dài 1m83, bản chèo rộng 11cm, đường kính tay nắm 03cm, cũ đã qua sử dụng; 01 thuyền bê tông có kích thước 2m90x1m40x0,4m; 02 mái chèo bằng gỗ có đặc điểm giống nhau, mỗi chiếc dài 1m75, bản chèo rộng 12cm, đường kính tay nắm 4cm, cũ đã qua

sử dụng; 01 xe cải tiến tự chế có hai bánh, kích thước 2m80x77cmx34cm, có thùng bằng tôn màu đỏ kích thước 1m35x77cmx34cm; 01 lồng sắt có kích thước 102cmx54cmx47cm, trong đáy lồng có lót miếng cao su màu đen; 01 chiếc đèn pin loại đội đầu có dây đeo, đèn và dây đeo màu vàng xanh nâu; 01 chiếc đèn pin loại đội đầu có dây đeo, đèn có màu vàng đen, dây đeo có màu đỏ đen; 01 chiếc kim băng sắt màu đen, cũ đã qua sử dụng.

3. **Án phí:** Áp dụng khoản 2 điều 135, khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án buộc các bị cáo Bùi Văn K, Bùi Văn S, Bùi Văn P, Bùi Văn N1, Bùi Văn T, Bùi Văn N3 phải mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. **Quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình để xin xét xử phúc thẩm, người bị hại vắng mặt thì thời hạn 15 ngày được tính từ khi nhận được bản sao bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh Hòa Bình;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- VKSND huyện Yên Thủy;
- CA huyện Yên Thủy;
- THAHS - DS huyện Yên Thủy;
- UBND Xã Đoàn Kết
- Các bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Vũ Hải Dương

